TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **45**/2021/QĐST- DS	*Châu Thành, ngày 02 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH BẾN TRE

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Phúc;

2. Bà Đoàn Thị Ngọc Hân

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào hồ sơ vụ án vụ án dân sự thụ lý số: 299/2015/TLST- DS ngày 19 tháng 10 năm 2020;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1962

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Văn D, sinh 1994

Địa chỉ: ấp A, xã B, phố X, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959

Địa chỉ: phường P, quận L, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn:

Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1964

Địa chỉ: khu phố K, phường P, thành phố L, tỉnh Bến Tre.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Trong khoản thời gian từ ngày 02/12/2021 đến hết ngày 01/6/2022 bà Nguyễn

Thị L phải có trách nhiệm thanh toán xong số tiền 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng cho bà Nguyễn Thị Thu T.

Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được toàn bộ số tiền 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng bà Nguyễn Thị Thu T phải có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị L: Một căn nhà có kết cấu một lầu, một trệt móng cột dầm, sàn bê tông cốt thép, tường gạch dày 10 cm, hoàn thiện sơn nước, trần nhựa, có diện tích sử dụng 83 m^2, phía trên lầu trước nhà có một ban công diện tích 5.3m^2, phía trên lầu sau nhà có một ban công có diện tích 4.5 m^2 và phần đất gắn liền với căn nhà có diện tích 41,5 m^2 thuộc thửa 183 tờ bản đồ số 03 toạ lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Bến Tre (có hoạ đồ kèm theo) và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 399965 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 03153 cấp ngày 01/3/2019 do bà Nguyễn Thị Lđứng tên quyền sử dụng.

Hết ngày 01/6/2022 nếu bà Nguyễn Thị Lkhông trả đủ số tiền 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng thì bà Nguyễn Thị Thu T được trọn quyền sử dụng phần đất thuộc thửa 183 tờ bản đồ số 3 toạ lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Bến Tre có diện tích 41,5 m^2 và được trọn quyền sở hữu căn nhà gắn liền với thửa đất trên có kết cấu một lầu một trệt, một trệt móng cột dầm, sàn bê tông cốt thép, tường gạch dày 10 cm, hoàn thiện sơn nước, trần nhựa, có diện tích sử dụng 83 m^2, phía trên lầu trước nhà có một ban công diện tích 5.3m^2, phía trên lầu sau nhà có một ban công có diện tích 4.5 m^2(có hoạ đồ kèm theo) và bà Nguyễn Thị Thu T liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà.

Chi phí thu thập chứng cứ là 3.149.000 (ba triệu một trăm bốn mươi chín ngàn) đồng bà Nguyễn Thị Thu T và bà Nguyễn Thị Lmỗi người chịu một nữa là 1.574.500(một triệu năm trăm bảy mươi tư ngàn năm trăm) đồng. Bà Nguyễn Thị Lcó trách nhiệm hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền chi phí thu thập chứng cứ là 1.574.500 (một triệu năm trăm bảy mươi tư ngàn năm trăm)đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 36.000.000 (ba mươi sáu triệu đồng đồng) bà Nguyễn Thị Thu T và bà Nguyễn Thị L mỗi người chịu một nữa là 18.000.000 (mười tám triệu) đồng.

Bà Nguyễn Thị Thu T được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001503 ngày 13/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Bà Nguyễn Thị Thu T còn phải nộp tiếp số tiền án phí 17.700.000 (mười bảy triệu bảy trăm ngàn) đồng.

Bà Nguyễn Thị Lphải có nghĩa vụ nộp án phí 18.000.000 (mười tám triệu) đồng. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội bà Nguyễn Thị Lthuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ánh